

Bản án số: 63 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-3-2024

V/v: Ly hôn giữa bà T và ông S.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST ngày 01/03/2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 5, xã HA, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “vắng mặt có lý do”.

**Bị đơn:** Ông Vũ Văn S, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 5, xã HA, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T và ông Vũ Văn S đăng ký kết hôn ngày 20/10/1987 tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Hai người chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không thường xuyên chia sẻ, bất đồng nhiều trong vấn đề kinh tế nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt và đã ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Thực trạng là vợ chồng chung

sống không hạnh phúc, không còn khả năng đoàn tụ nên bà T đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông S.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà T, ông S có 02 con chung là anh Vũ Minh Thuận, sinh ngày 03/11/1988 và anh Vũ Quang Thảo, sinh ngày 31/10/1999. Nay các con đã thành niên và lao động tự lập được nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là ông Văn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông S rất bất ngờ nhận được giấy triệu tập của Tòa Án vào ngày 10 tháng 01 năm 2024 qua Bưu điện Xã HA về việc bà T có đơn xin ly hôn với ông vì ông S chưa bao giờ có ý định ly hôn với bà T, hai người cũng chưa bàn bạc với nhau về việc này. Nay bà T làm đơn ly hôn, ông S không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông bà chung sống có 4 con chung nhưng 2 con đã mất nên vợ chồng có 02 con chung là anh Vũ Minh Thuận đã kết hôn và anh Vũ Quang Thảo 24 tuổi đã đi làm ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông S không khai nhận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị T vắng mặt theo ý kiến xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị T và ông Vũ Văn S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã HA đăng ký kết hôn ngày 20/10/1987. Quá trình chung sống bà T khai nhận vợ chồng chung sống và đã ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay, hai người không thường xuyên chia sẻ nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, không thể hàn gắn nên bà T đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông S. Ông S không nhất trí ly hôn vì chưa bàn bạc với bà T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T với ông S, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông S là trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T ly hôn với ông Vũ Văn S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đặng Thị T là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đặng Thị T và ông Vũ Văn S.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Đặng Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002993 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà Đặng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HA;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hằng**